

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 6 - 2025
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bon Niêng Ha Krong;
- Ông Cil Pam Ha Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2025/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Yô Rơ La R**, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ hiện nay: Tổ B khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Ông **Y T**, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Yô Rơ La R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Y T kết hôn với nhau năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, sau kết hôn thì sinh sống tại thôn E, xã L Thời gian đầu sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y Trỗi.

Về con chung: Bà và ông Y T có 03 con chung là Yô Rơ La T1, sinh ngày 11/8/2012, Yô Rơ La T2, sinh ngày 14/01/2014 và Yô Rơ La Minh T3, sinh ngày 11/01/2020. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yô Rơ La T1, ông Y T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yô Rơ La T2 và Yô Rơ La Minh T3, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Yô Rơ La R xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Yô Rơ La R xác định vợ chồng có vay của Ngân hàng C với số tiền 100.000.000 đồng và lãi phát sinh. Sau khi ly hôn, vợ chồng bà có trách nhiệm mỗi người trả 50.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

** Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Y T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Y T và bà Yô Rơ La R kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ. Sau khi kết hôn thì theo phong tục ông Y T về sinh sống ở nhà vợ tại thôn E, xã L. Cuộc sống vợ chồng ông hạnh phúc đến năm 2022 thì vợ ông là bà Yô Rơ La R có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, sau đó bỏ theo người khác về thành phố U, tỉnh Quảng Ninh sinh sống, để lại ông Y Trỗi N con. Ông Y T nhận thấy bà Yô Rơ La R đã vi phạm pháp luật hôn nhân gia đình trầm trọng. Hiện nay ông vẫn đi đi về về giữa thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông và thôn E, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và trực tiếp nuôi dưỡng con chung còn vợ ông đã chuyển đến Quảng Ninh, không quan tâm đến chồng và con nữa. Nay bà Yô Rơ La R yêu cầu giải quyết ly hôn với ông thì ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của vợ ông, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đam Rông sớm giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông để sớm ổn định cuộc sống, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Ông và bà Yô Rơ La R có 03 con chung là Yô Rơ La T1, sinh ngày 11/8/2012, Yô Rơ La T2, sinh ngày 14/01/2014 và Yô Rơ La Minh T3, sinh ngày 11/01/2020, hiện nay đều đang ở với ông Y Trỗi N. Từ ngày vợ bỏ đi ông là người chăm sóc đến giờ nên ông yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà Yô Rơ La R phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Y T xác định vợ chồng ông không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Y T xác định quá trình chung sống, vợ chồng ông có nợ Ngân hàng chính sách xã hội qua Phòng giao dịch huyện Đ số tiền 100.000.000 đồng. Đây là nợ chung nên ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc mỗi bên phải có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng cùng lãi phát sinh theo quy định.

** Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý cho Ngân hàng C (qua Phòng giao dịch huyện Đ) vào ngày 21/02/2025 nhưng Ngân hàng C không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án.*

Tòa án nhân dân huyện Đam Rông không tiến hành hòa giải được do bà La R xin giải quyết xét xử vắng mặt và ông Y T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết ly hôn giữa bà Yô Rơ La R với ông Y T; Về con chung: Giao cả ba con chung cho ông Y T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về nợ chung: Do Ngân hàng C nhận được thông báo thụ lý nhưng có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án nên không xem xét, khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện khác. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của bà Yô Rơ La R với ông Y T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có nơi cư trú ở xã L, huyện Đ do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 03/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ thì bà Y Rơ La R và ông Y T có đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Y Rơ La R và ông Y T là quan hệ hôn nhân hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc đương sự vắng mặt: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Bà Yô Rơ La R và ông Y T kết hôn với nhau năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, sau kết hôn thì sinh sống tại thôn E, xã L Thời gian đầu sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Yô Rơ La R yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y Trỗi. Ông Y T cũng xác định vợ ông là bà Yô Rơ La R có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, sau đó bỏ theo người khác về thành phố U, tỉnh Quảng Ninh sinh sống, để lại ông Y T nuôi con, đã vi phạm pháp luật hôn nhân gia đình trầm trọng nên ông cũng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà Yô Rơ La R. Hiện nay bà Y Rơ La R và ông Y T không còn chung sống với nhau nữa, kết quả xác minh phù hợp với lời khai các bên nên đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Y Rơ La R và ông Y T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Yô Rơ La R là có cơ sở, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Yô Rơ La R.

[5] Về con chung: Bà Y Rơ La R và ông Y T có 03 con chung là Yô Rơ La T1, sinh ngày 11/8/2012, Yô Rơ La T2, sinh ngày 14/01/2014 và Yô Rơ La Minh T3, sinh ngày 11/01/2020, hiện nay đều đang ở với ông Y Trỗi . Ông Y T xác định từ ngày vợ bỏ đi ông là người chăm sóc con đến giờ nên ông yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà Yô Rơ La R phải cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản ghi lời khai, cháu Y Rơ La T1, Yô Rơ La T2 đều khẳng định từ năm 2022 đến nay, các cháu và em Minh T3 đều do bố nuôi dưỡng và các cháu có nguyện vọng được ở với bố như hiện tại. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường cũng như phù hợp nguyện vọng các con chung thì cần giao cả ba con chung cho ông Y T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Bà La R không đề cập đến cấp dưỡng nuôi con và ông Y T không yêu cầu, khẳng định đủ khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà Yô Rơ La R và ông Y T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Yô Rơ La R và ông Y T xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng C xã hội qua Phòng giao dịch huyện Đ số tiền 100.000.000 đồng. Bà La R và ông Y T đều đồng ý mỗi bên có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng cùng lãi phát sinh theo quy định. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý cho Ngân hàng C (qua Phòng giao dịch huyện Đ) vào ngày 21/02/2025 nhưng Ngân hàng C không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Yô Rơ La R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định; Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Yô Rơ La R: Bà Yô Rơ La R được ly hôn với ông Y Trỗi .

2. Về con chung: Giao con chung là Yô Rơ La T1, sinh ngày 11/8/2012, Yô Rơ La T2, sinh ngày 14/01/2014 và Yô Rơ La Minh T3, sinh ngày 11/01/2020 cho

ông Y T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Bà Yô Rơ La R không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình

3. Về án phí: Bà Yô Rơ La R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006350 ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- UBND xã Đạ Long, huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Hải Dương